

Bản án số: **110/2019/HS-PT**

Ngày: 11 - 4 - 2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Cường

Các thẩm phán: Ông Vũ Thanh Liêm

Ông Phạm Tồn

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Ngọc Đức, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Thanh, Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 4 năm 2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai, xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 34/2018/TLPT-HS ngày 13/12/2018 đối với bị cáo Vũ Xuân C và các bị cáo khác phạm tội “Giết người”, “Không tổ giác tội phạm”. Do có kháng cáo đối với bản án hình sự sơ thẩm số 75/2018/HS-ST ngày 15/11/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai.

- Bị cáo có kháng cáo:

1. Vũ Xuân C, sinh ngày 29/8/1994 tại Hà Nam; Nơi cư trú tỉnh Gia Lai; trình độ học vấn: 8/12; nghề nghiệp: làm nông; giới tính: nam; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: không; con ông Vũ Văn T, sinh năm 1974 và bà Vũ Thị B, sinh năm 1974; tiền án, tiền sự: không; Bị bắt và bị tạm giữ ngày 28/11/2017, có mặt.

2. Lê Đăng T, sinh ngày 03/7/1995 tại Gia Lai; Nơi cư trú: tỉnh Gia Lai; trình độ học vấn: 8/12; nghề nghiệp: làm nông; giới tính: nam; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: không; con ông Lê Đăng C, sinh năm 1965 và bà Đỗ Thị V, sinh năm 1971; tiền án: không; tiền sự: không; Bị bắt và bị tạm giữ ngày 29/11/2017, có mặt.

Về nhân thân: Ngày 02 tháng 4 năm 2015, thực hiện hành vi bắt giữ người trái pháp luật. Ngày 05 tháng 8 năm 2015, bị Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai, xử phạt 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 12 tháng (tại Bản án số 89/2015/HSST; Bản án này đã được xóa án tích).

3. Lê Đăng T1, sinh ngày 06/5/1991 tại Gia Lai; Nơi cư trú: tỉnh Gia Lai; trình độ học vấn: 8/12; nghề nghiệp: làm nông; giới tính: nam; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: không; con ông Lê Đăng C, sinh năm 1965 và bà Đỗ Thị V, sinh năm 1971;

Tiền án: 02 tiền án.

Ngày 01 tháng 01 năm 2010, thực hiện hành vi hiếp dâm; ngày 26 tháng 6 năm 2010, thực hiện hành vi tàng trữ, sử dụng trái phép chất độc. Ngày 17 tháng 12 năm 2010, bị Tòa án nhân dân huyện I, tỉnh Gia Lai, xử phạt 06 năm tù về tội: “*Hiếp dâm*”, và 02 năm 06 tháng tù về tội: “*Tàng trữ, sử dụng trái phép chất độc*”. Tổng hợp hình phạt của cả hai tội là 08 năm 06 tháng tù (tại Bản án số 51/2010/HSST).

Ngày 16 tháng 06 năm 2010, thực hiện hành vi trộm cắp tài sản. Ngày 02 tháng 3 năm 2011, bị Tòa án nhân dân huyện I, tỉnh Gia Lai, xử phạt 12 tháng tù (tại Bản án số 05/2011/HSST). Tổng hợp hình phạt chung của Bản án số 51/2010/HSST và Bản án số 05/ 2011/HSST, buộc Lê Đăng T1 phải chấp hành là 09 năm 06 tháng. Chấp hành án tại Trại giam Gia Trung, Tổng cục VIII Bộ Công an. Đến ngày 26 tháng 01 năm 2017, chấp hành xong hình phạt, về địa phương.

Tiền sự: Không;

Bị bắt và bị tạm giữ 29/11/2017 sau đó bị tạm giam đến ngày 26/02/2018 được thay thế bằng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”. Bị cáo tại ngoại, có mặt.

4. Đoàn Văn T2 (tên gọi khác: B), sinh ngày 26/6/1997 tại Quảng Ngãi; Nơi cư trú: huyện I, tỉnh Gia Lai; trình độ học vấn: 10/12; nghề nghiệp: Thợ chụp ảnh; giới tính: nam; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: không; con ông Đoàn T, sinh năm 1967 và bà Huỳnh Thị D, sinh năm 1971; tiền án: không; tiền sự: không; Bị bắt và bị tạm giữ 29/11/2017 sau đó bị tạm giam đến ngày 26/02/2018 được thay thế bằng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”. Bị cáo tại ngoại, có mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo Vũ Xuân C, Lê Đăng T*: Luật sư **Vũ Đình K** – Văn phòng luật sư K, Đoàn luật sư tỉnh Gia Lai; địa chỉ: thành phố P, tỉnh Gia Lai.

- *Bị hại*: **Đồng Thanh Q** (đã chết).

- *Người đại diện hợp pháp của bị hại*:

1. Ông **Đồng Xuân V**, sinh năm 1955, có mặt.

2. Bà **Vũ Thị V**, sinh năm 1955, vắng mặt.

3. Chị **Hoàng Thị H**, sinh năm 1983, có mặt.

Cùng trú tại: huyện I, tỉnh Gia Lai. Là cha, mẹ, vợ của người bị hại.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho ông Đồng Xuân V: Luật sư **Trần Trọng H** – Văn phòng luật sư C, Đoàn luật sư tỉnh Đắk Lắk; địa chỉ: tỉnh Đắk Lắk; có mặt.

Ngoài ra, trong vụ án còn có 05 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có kháng cáo và không bị kháng cáo, kháng nghị Tòa án cấp phúc thẩm không triệu tập tham gia phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 23 giờ ngày 27 tháng 11 năm 2017, Vũ Xuân C điều khiển xe mô tô S Wave màu đỏ, biển số 81V1-020.85 đi từ nhà của C ở, huyện I, đến quán bán hàng tạp hóa của nhà ông Đồng Xuân V ở cùng thôn để hỏi mua thuốc lá. Khi đến nơi, C thấy trong nhà ông V vẫn còn điện sáng, cổng chính đóng cửa nhưng không khóa nên C gọi cửa để mua thuốc lá nhưng ông V từ chối không bán với lý do trời tối và quán đã đóng cửa. Lúc này, C kéo cổng ra đi vào bên trong sân thì thấy ông V và anh Đồng Thanh Q là con của ông V đi ra, anh Q nói: “*Bố tao đã từ chối bán hàng rồi, sao mày lại tự động mở cửa vào nhà tao*”, C nói: “*Điện đang sáng mà sao lại không bán hàng?*”, anh Q nói: “*Nhà đang phơi cà phê nên tao phải để điện, về đi để tao ngủ, đóng trả cổng để tao còn đi ngủ*”, nhưng C không đóng cửa nên anh Q nói tiếp: “*Mày tự mở thì phải đóng trả cổng cho tao*”, C đi ra và đóng mạnh cửa cổng lại nên anh Q đã dùng cục gạch ném C nhưng không trúng, C nói: “*Ông Q cẩn thận với tôi đấy*”, nói xong C đi ra lấy xe mô tô điều khiển xe bỏ đi. Do bức tức nên trên đường đi, C đã điện thoại cho Lê Đăng T hỏi mượn dao. Lúc này, Lê Đăng T đang ngủ ở nhà cùng với anh trai là Lê Đăng T1 và Đoàn Văn T2 là bạn của T2 thì nhận được điện thoại của C và nghe C nói vậy nên Đăng T nói C chạy lên nhà của Đăng T ở ngã tư I, thuộc thôn T, xã I, huyện I, tỉnh Gia Lai để gặp nhau. Khi đến nơi, C gọi nên Đăng T đi từ trong nhà ra ngoài sân gặp C. Tại đây, C kể lại chuyện vừa mới cãi nhau với gia đình ông V và nói rõ mục đích mượn dao là để quay lại đánh cha con ông V, Đăng T đồng ý cho mượn dao và xin đi cùng, đồng thời nói C đi trước đến ngã tư D thuộc huyện I chờ Đăng T. Sau khi nói xong, C điều khiển xe mô tô bỏ đi trước, còn Đăng T đi vào trong nhà gọi Lê Đăng T1 dậy nói: “*Anh chở em xuống D một tý*”, nghe vậy Đoàn Văn T2 cũng xin đi nên Lê Đăng T1 thức dậy lấy xe mô tô Air Blade màu xanh, biển số 81B2-036.68 của Đăng T, điều khiển chở Đoàn Văn T2 ngồi giữa còn Đăng T ngồi sau, trên tay phải Đăng T cầm 02 dao rựa (01 dao rựa dài 91,5cm và 01 dao rựa dài khoảng 60cm) đi đến gặp C tại ngã tư D, Đăng T đưa cho C một con dao rựa dài 91,5cm rồi cùng với C chạy đến nhà ông Đồng Xuân V. Khi đến nơi, C và T2 dựng xe ngoài đường phía trước nhà ông V. Sau đó, C và Đăng T mỗi người cầm một con dao rựa đi đến trước cổng chính nhà ông V và la lớn, thách thức đánh nhau với cha con ông V; riêng Lê Văn T2 thì xuống xe và đứng trước đầu xe mô tô Air Blade, còn Đoàn Văn T2 vẫn ngồi trên xe mô tô Air Blade. Lúc này, C thấy anh Q cầm cây gỗ dài 1,50m, đi theo cổng phụ ra ngoài đường nên C cầm rựa chạy đến để chặn anh Q, Đăng T cũng cầm dao rựa chạy theo C thì T2 nói: “*Thằng kia, dừng lại*” nên T quay lại đứng gần xe mô tô S Wave của C. Khi C chạy đến đóng gạch đá bên hông nhà thì gặp anh Q, anh Q đứng đối diện cầm cây gỗ đánh C nhưng không trúng nên C cầm dao rựa bằng hai tay chém liên tiếp khoảng 04 đến 05 nhát, theo chiều hướng từ trên xuống thì trúng vào đầu, vai và tay anh Q, sau đó C cầm rựa quay lại chỗ

dựng xe mô tô biển số 81V1-020.85. Lúc này, T2 điều khiển xe mô tô Air Blade biển số 81B2-036.68 chở Đoàn Văn T2 chạy trước, còn Đăng T điều khiển xe mô tô S Wave biển số 81V1-020.85 chở C chạy theo sau. Khi đến ngã tư D, Đăng T dừng xe mô tô lại và giao xe cho C, C điều khiển xe mô tô cầm theo dao rựa đi đến thành phố P, trên đường đi C điện thoại cho bạn là Đỗ Văn T4 (Sinh năm: 1989, trú tại: huyện I) thì gặp vợ của anh T4 là chị Lục Thị M (Sinh năm: 1991) nên C nói: “*Chồng chị đâu, cho em gặp tý*”, chị M đưa điện thoại cho anh T4 thì C nói: “*Em vừa chém thằng Q nhà ông V, anh chạy lên xem có Công an đến hay không? có gì điện lại cho em với*”, anh T4 nói: “Ừ”, rồi tắt điện thoại và ngủ tiếp. Khi C đi đến ngã ba giữa đường N với đường T, phường I, thành phố P, C điện thoại cho bạn là Huỳnh Đình H (Sinh năm: 1995) đến đón C về phòng trọ của H ở số 17 đường V, phường I, thành phố P, C đưa dao rựa cho H cất rồi cả hai đi đến chợ đêm thành phố P ăn khuya và mua đồ mang đến nhà nghỉ N ở hẻm đường T, phường T, thành phố P, thuê phòng để ngủ, trong lúc ngồi ngủ C kể cho H nghe về việc C mới đánh nhau. Đối với Lê Đăng T, sau khi C bỏ đi thì Đăng T cầm dao rựa vút vào vườn cà phê của anh Tạ Quang L (Sinh năm: 1989) ở huyện I, tỉnh Gia Lai, rồi điện thoại cho T2 quay xe lại chở Đăng T cùng về nhà ngủ. Đối với anh Q, sau khi bị C chém bị thương thì được gia đình đưa đến Trung tâm y tế huyện I, tỉnh Gia Lai để cấp cứu, nhưng sau đó anh Q đã bị chết. Đến khoảng 06 giờ ngày 28 tháng 11 năm 2017, T2 biết tin anh Q bị C chém chết nên đã nói lại cho Đoàn Văn T2 nghe, rồi T2 chở Đoàn Văn T2 về nhà của Đoàn Văn T2. Đến 14 giờ 30 phút ngày 28 tháng 11 năm 2017, Vũ Xuân C bị bắt. Sau đó, Lê Đăng T, Lê Đăng T1 và Đoàn Văn T2 cũng bị bắt.

Tại bản Kết luận giám định pháp y về tử thi số 442/TT-TTPY ngày 30 tháng 12 năm 2017 của Trung tâm pháp y tỉnh Gia Lai, kết luận nguyên nhân chết đối với bị hại Đồng Thanh Q là do: “*Vỡ sọ + Đa thương do vật sắc bén*”.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 75/2018/HS-ST ngày 15/11/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai đã quyết định:

1. Về tội danh:

Tuyên bố các bị cáo Vũ Xuân C và Lê Đăng T phạm tội: “Giết người”; các bị cáo Lê Đăng T1 và Đoàn Văn T2 phạm tội: “Không tố giác tội phạm”.

2. Về hình phạt:

- Áp dụng điểm n khoản 1 Điều 123; Điều 17; Điều 38; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Vũ Xuân C 19 (Mười chín) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giữ: ngày 28/11/2017.

- Áp dụng điểm n khoản 1 Điều 123; Điều 17; Điều 38; điểm b, s khoản 1 Điều 51; Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017, xử.

Xử phạt bị cáo Lê Đăng T 15 (Mười lăm) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giữ: ngày 29/11/2017.

- Áp dụng khoản 1 Điều 314 của Bộ luật Hình sự năm 1999 được sửa đổi, bổ sung năm 2009; điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 đối với bị cáo Lê Đăng T1 xử:

Xử phạt Lê Đăng T1 24 (Hai mươi bốn) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt thi hành án, được khấu trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ 29/11/2017 đến ngày 26/02/2018.

- Áp dụng khoản 1 Điều 314 của Bộ luật Hình sự năm 1999 được sửa đổi, bổ sung năm 2009; điểm s, i khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 đối với Đoàn Văn T2

Xử phạt Đoàn Văn T2 12 (Mười hai) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt thi hành án, được khấu trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ 29/11/2017 đến ngày 26/02/2018.

Ngoài ra, bản án còn tuyên quyết định về phần dân sự, án phí sơ thẩm, quyền kháng cáo, xử lý vật chứng theo quy định của pháp luật.

Ngày 16/11/2018, bị cáo Vũ Xuân C và Lê Đăng T kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Ngày 27/11/2018, bị cáo Lê Đăng T1 kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Ngày 29/11/2018, bị cáo Đoàn Văn T2 kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Ngày 29/11/2018, đại diện hợp pháp của bị hại là ông Đồng Xuân V kháng cáo về diễn biến vụ việc và yêu cầu các bị cáo bồi thường thêm thiệt hại do hành vi đập phá công của các bị cáo.

Tại phiên toà, Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các điểm a, b khoản 1 Điều 355; Điều 356; Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự: Không chấp nhận kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm đối với bị cáo Vũ Xuân C; chấp nhận kháng cáo, giảm một phần hình phạt cho các bị cáo Lê Đăng T, Đoàn Văn T2, Lê Đăng T1.

Luật sư bào chữa cho Vũ Xuân C, Lê Đăng T đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm một phần hình phạt cho các bị cáo.

Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đại diện hợp pháp của bị hại đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm c Khoản 1 Điều 355 Bộ luật tố tụng hình sự huỷ bản án sơ thẩm để điều tra, xét xử lại vì bị cáo Đoàn Văn T2, Lê Đăng T1 có dấu hiệu đồng phạm của tội “Giết người”. Còn phần kháng cáo về dân sự của bị hại tuy ở giai đoạn sơ thẩm không yêu cầu nhưng nay yêu cầu thì đề nghị Hội đồng phúc thẩm xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định như sau:

[1] Tại phiên toà phúc thẩm hôm nay, các bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội. Lời khai nhận tội của các bị cáo phù hợp với các chứng cứ tài liệu có trong hồ

sơ vụ án, có đủ cơ sở khẳng định: Do bức tức từ việc mua bán hàng với ông Đồng Xuân V và anh Đồng Xuân Quang, nên Vũ Xuân C đã điện thoại và dùng xe mô tô biển số 81V1 -020.85 đi đến nhà Lê Đăng T kể lại cho Thành nghe và hỏi mượn dao rựa để quay lại đánh cha con ông V thì được Lê Đăng T đồng ý và xin đi theo. Sau đó C điều khiển xe đến ngã tư D đứng chờ còn Lê Đăng T đi vào trong nói Lê Đăng T1 nhờ chở xuống D có việc, nghe vậy Đoàn Văn T2 xin đi theo nên Lê Đăng T1 điều khiển xe mô tô biển số 81B2-036.68 của Lê Đăng T chở Đoàn Văn T2 ngồi giữa, Lê Đăng T ngồi sau cầm theo hai con dao rựa (một dao rựa dài 91,5cm và một con dao rựa dài khoảng 60cm) đi đến D gặp C, Lê Đăng T đưa cho Vũ Xuân C một dao rựa dài 91,5cm rồi cùng đến nhà ông V. Khi đến nơi, Vũ Xuân C và Lê Đăng T mỗi người cầm theo một dao rựa đi đến cổng chính nhà ông V đập phá cổng, la lớn và thách thức đánh nhau với ông V và anh Q còn Lê Đăng T1 và Đoàn Văn T2 đứng ngoài đường không tham gia. Lúc này Vũ Xuân C thấy anh Q cầm khúc gỗ dài khoảng 1,50m đi theo cổng phụ ra ngoài đường nên C cầm rựa chạy đến chặn anh Q tại bãi đất trống bên hông nhà, hai tay C cầm dao rựa chém khoảng 4-5 nhát vào đầu, vai và tay anh Q, còn Lê Đăng T cầm dao chạy theo C nhưng không đánh. Hậu quả anh Q chết do “*Vỡ sọ + Đa chấn thương do vật sắc bén*”. Với hành vi đó, Tòa án cấp sơ thẩm xử Vũ Xuân C và Lê Đăng T về tội “Giết người” theo quy định tại điểm n khoản 1 Điều 123 Bộ luật hình sự năm 2015 và xử bị cáo Lê Đăng T1 và Đoàn Văn T2 về tội “Không tố giác tội phạm” theo khoản 1 Điều 314 Bộ luật hình sự năm 1999 là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Tại phiên toà phúc thẩm, các bị cáo thừa hành vi và tội danh như Toà cấp sơ thẩm xét xử là đúng, chỉ kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

[2] Xét kháng cáo xin giảm hình phạt của các bị cáo, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy: Trong vụ án này, chỉ vì mâu thuẫn nhỏ mà các bị cáo Vũ Xuân C và Lê Đăng T đến nhà ông Đồng Xuân V, dùng dao rựa chém anh Q là con của ông V làm anh Q chết. Hành vi của các bị cáo đã thực hiện mang tính chất côn đồ, gây hậu quả đặc biệt nghiêm trọng, đã tước đi sinh mạng của người bị hại, gây tổn thất không gì bù đắp được của gia đình bị hại, ảnh hưởng xấu đến trật tự an toàn chung của địa phương. Bị cáo Vũ Xuân C trực tiếp gây ra cái chết cho anh Q nên phải chịu hình phạt cao hơn bị cáo Lê Đăng T. Đối với bị cáo Lê Đăng T1 và Đoàn Văn T2 là những người đi cùng với Lê Đăng T nhưng T2 và Đoàn Văn T2 không biết và không được bàn bạc việc C và Lê Đăng T đi đánh nhau và cũng không tham gia đánh nhau. Tuy nhiên, Lê Đăng T1 và Đoàn Văn T2 chứng kiến toàn bộ việc Vũ Xuân C và Lê Đăng T tham gia chém anh Đồng Thanh Q. Sau đó Lê Đăng T1 và Đoàn Văn T2 biết anh Q bị Vũ Xuân C chém chết nhưng đã không tố giác. Hành vi của Lê Đăng T1 và Đoàn Văn T2 đã xâm hại hoạt động bình thường của cơ quan tiến hành tố tụng, gây khó khăn cho công tác điều tra, xử lý. Bị cáo Lê Đăng T1 có một tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “Tái phạm” quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015.

[3] Khi quyết định hình phạt, Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét áp dụng cho các bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ: thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo Vũ Xuân C và Lê Đăng T bồi thường cho gia đình bị hại, bị cáo Vũ Xuân C có ông nội là người có công với Tổ quốc; bị cáo Đoàn Văn T2 được

hưởng tình tiết giảm nhẹ “phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng”. Từ đó đã xem xét giảm nhẹ cho các bị cáo và Toà án cấp sơ thẩm áp dụng hình phạt các bị cáo như bản án sơ thẩm là tương xứng với tính chất hành vi, hậu quả của tội phạm do các bị cáo gây ra. Trong giai đoạn phúc thẩm các bị cáo có xuất trình được tình tiết như tiếp tục bồi thường, gia đình có công nhưng xét tính chất nghiêm trọng của hành vi, hậu quả đặc biệt nghiêm trọng của vụ án nên cấp phúc thẩm không thể xem xét chấp nhận kháng cáo xin giảm hình phạt của các bị cáo.

[4] Xét kháng cáo của đại diện hợp pháp của bị hại thấy: Diễn biến hành vi phạm tội của các bị cáo Vũ Xuân C và Lê Đăng T như khai nhận của các bị cáo, phù hợp với chứng cứ tài liệu có trong hồ sơ vụ án. Và các bị cáo đã bị Toà án cấp sơ thẩm xét xử về tội “Giết người” với tình tiết định khung “có tính chất côn đồ” là đúng pháp luật. Còn kháng cáo về bồi thường do công bị hư hỏng với giá trị 600.000 đồng. Nội dung này quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn sơ thẩm người bị hại không yêu cầu, cấp sơ thẩm chưa xem xét nên không thuộc phạm vi xem xét ở cấp phúc thẩm.

[5] Từ những phân tích, nhận định trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy không có cơ sở để chấp nhận kháng cáo xin giảm hình phạt của các bị cáo và kháng cáo của đại diện hợp pháp của bị hại, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[6] Quan điểm của Luật sư bào chữa cho các bị cáo và Đại diện Viện kiểm sát về giảm hình phạt cho các bị cáo không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Đề nghị của Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đại diện hợp pháp của bị hại về việc huỷ án sơ thẩm không có cơ sở nên không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm về phần Dân sự, xử lý vật chứng, án phí sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo kháng nghị.

[8] Do kháng cáo không được chấp nhận nên các bị cáo phải chịu án phí phúc thẩm hình sự theo quy định tại Nghị quyết 326 /NQ-UBTVQH14.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự:

Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Vũ Xuân C, Lê Đăng T, Lê Đăng T1, Đoàn Văn T2 và kháng cáo của đại diện hợp pháp của người bị hại là ông Đồng Xuân V, giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

2. Căn cứ vào điểm n khoản 1 Điều 123; Điều 17; Điều 38; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58 của Bộ luật hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017):

Xử phạt bị cáo **Vũ Xuân C 19 (mười chín) năm tù** về tội “Giết người”. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giữ, ngày 28/11/2017.

3. Căn cứ vào điểm n khoản 1 Điều 123; Điều 17; Điều 38; điểm b, s khoản 1 Điều 51; Điều 58 của Bộ luật hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017):

Xử phạt bị cáo **Lê Đăng T 15 (mười lăm) năm tù** về tội “Giết người”. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giữ, ngày 29/11/2017.

4. Căn cứ vào khoản 1 Điều 314 của Bộ luật hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009); điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự năm 2015 (được sửa đổi bổ sung năm 2017):

Xử phạt bị cáo **Lê Đăng T1 24 (hai mươi bốn) tháng tù** về tội “Không tố giác tội phạm”. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt thi hành án, được khấu trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 29/11/2017 đến ngày 26/02/2018.

5. Căn cứ vào khoản 1 Điều 314 của Bộ luật hình sự năm 1999 (được sửa đổi, bổ sung năm 2009); điểm s, i khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017):

Xử phạt bị cáo **Đoàn Văn T2 12 (mười hai) tháng tù** về tội “Không tố giác tội phạm”. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt thi hành án, được khấu trừ thời gia bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 29/11/2017 đến ngày 26/02/2018.

6. Về án phí hình sự phúc thẩm: Các bị cáo Vũ Xuân C, Lê Đăng T, Lê Đăng T1, Đoàn Văn T2 mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng).

7. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Vụ Giám đốc kiểm tra I, TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND tỉnh Gia Lai;
- Cơ quan CSĐT - CA tỉnh Gia Lai;
- Phòng HSNV - CA tỉnh Gia Lai;
- Cơ quan CSTHAHS - CA tỉnh Gia Lai;
- Sở Tư pháp tỉnh Gia Lai;
- Cục THADS tỉnh Gia Lai;
- Trại tạm giam CA tỉnh Gia Lai;
- Bị cáo; Người tham gia tố tụng khác;
- Lưu HSVA, LT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Cường